

Soạn A closer look 1 - Unit 9 lớp 9 SGK trang 33, 34

1. Match the words/phrases in cloumn A with the ...

(Nối các từ, cụm từ trong cột A với các định nghĩa trong cột B.)

1-b	2-e	3-a	4-d	5-f	6-c
-----	-----	-----	-----	-----	-----

Hướng dẫn dịch

1. Song ngữ = khả năng nói hai ngôn ngữ tốt như nhau vì bạn được học từ bé.
2. Lưu loát = khả năng nói, đọc, viết một ngôn ngữ một cách dễ dàng, nhanh và tốt.
3. Trình độ kém đi = không giỏi về một ngôn ngữ nào đó như bạn đã từng vì đã không sử dụng trong một thời gian dài.
4. Học lỏm một ngôn ngữ = học một ngôn ngữ bằng cách thực hành nó thay vì học trên lớp.
5. Vừa phải = ở một mức độ nào đó khá tốt nhưng không phải rất tốt.
6. Biết sơ sơ = biết vừa đủ một ngôn ngữ để giao tiếp đơn giản.

2a. Choose the correct words in the following

(Chọn đúng từ trong các cụm từ dưới đây về việc học ngôn ngữ.)

2.at	3.by	4.in	5.of	6.bit	7.up
------	------	------	------	-------	------

b. Choose phrases from 2a to make sentences about yourself

(Chọn cụm từ từ bài 2.a to để hoàn thành các câu về bản thân mình hoặc người mà bạn biết.)

Gợi ý:

- I can't speak a word of Spanish, I found this language really hard to speak.

- She's fluent in France. She has learnt France for 6 years.
- My grandfather can speak Russian, but it's a bit rusty since he used to use Russian when he was young.
- My friend picked up a bit of Japanese on her holiday in Tokyo. She can say "Konichiwa", which means "Hello" and "Arigatou", which means "Thank you".

3a. Match the words/phrases in the column A with

(Nối các từ, cụm từ trong cột A với các từ, cụm từ trong cột B để tạo nên cách trình bày về việc học ngôn ngữ.)

1-e	2-h	3-g	4-b
5-a	6-c	7-d	8-f

b. Fill the blanks with the verbs in the box.

(Điền vào ô trống với các động từ trong khung.)

1. know	2. guess	3. look up	4. have
5. imitate	6. make	7. correct	8. translate

Hướng dẫn dịch

Nếu bạn không biết nghĩa của một từ, hãy cố gắng đoán nghĩa của nó, hoặc tra từ điển. Tất cả người nước ngoài đều có giọng đặc trưng nhưng đó không phải là vấn đề. Để phát âm tốt hơn, hãy nghe người Anh nói và bắt chước theo họ. Đừng lo lắng nếu bạn mắc lỗi sai và hãy cố sửa nó, việc đó là bình thường. Dịch từ một ngôn ngữ sang ngôn ngữ khác thường rất có ích, nhưng cách tốt nhất là hãy suy nghĩ bằng thứ ngôn ngữ mới.

4. Listen and repeat, paying attention to the tones of

(Nghe và đọc lại, chú ý đến tông giọng của những từ gạch chân trong mỗi đoạn hội thoại.)

1. **A:** I'd like some oranges, please.

B: But we don't have any oranges.

2. **A:** What would you like, sir?

B: I'd like some oranges.

3. **A:** I'll come here tomorrow.

B: But our shop is closed tomorrow.

4. **A:** When is your shop closed?

B: It is closed tomorrow.

5. Listen to the conversations. Do you think the voice

(Nghe đoạn hội thoại. Bạn có nghĩ là giọng nói đi lên hoặc đi xuống tại cuối mỗi câu thứ hai? vẽ mũi tên phù hợp tại cuối mỗi dòng.)

1. **A:** Tom found a watch on the street.

B: No. He found a wallet on the street. ↗

2. **A:** Where did Tom find this watch?

B: He found it on the street. ↘

3. **A:** Let's have some coffee.

B: But I don't like coffee. ↗

4. **A:** Let's have a drink. What would you like?

B: I'd like some coffee. ↘

5. **A:** This hat is nice.

B: I know it's nice, but it's expensive. ↘

6. **A:** This bed is big.

B: I know it's big but that one's bigger. ↘

6. Read the conversation. Does the voice go up or down on

(Đọc đoạn hội thoại. Giọng nói có đi lên hoặc đi xuống trong những từ gạch chân? Vẽ mũi tên phù hợp tại cuối mỗi dòng. Sau đó nghe, kiểm tra và đọc lại.)

A: What make of TV shall we buy?

B: Let's get the **Samsung**. ↘

A: I think we should get the Sony. It's really nice.

B: (trying to persuade A to buy a Samsung) But the Samsung is **nicer**. ↗

A: But the Sony has a guarantee.

B: They both have a **guarantee**. ↗

A: How much is the Sony?

B: It's **\$600**. ↘

A: It's too **expensive**. ↘